

Số: 231 /QĐ-SLĐTBXH

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
quý II năm 2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Quyết định số 77/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng và ý kiến trình của Chánh Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Kế toán trưởng và các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: *u*

- KBNN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- GD và các PGD;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT – VPS.HTPL

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Đơn vị : Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận

Chương: 424

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II/2020

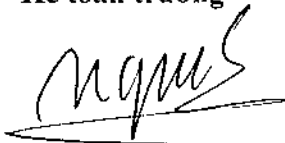
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II/2020	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	32.948,83	3.965,10	12%	103%
1	Chi đào tạo	1,23	1,23	100%	
2	Chi quản lý hành chính	20.153,79	2.449,21	12%	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.847,50	1.455,43	25%	
	+ Kinh phí thực hiện tự chủ	5.847,50	1.455,43	25%	110%
	+ Kinh phí thực hiện CCTL		-		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.306,29	993,78	7%	
	+ Kinh phí thực hiện không tự chủ	14.212,54	993,78	7%	205%
	+ Kinh phí thực hiện CCTL	93,75	-	0%	0%
3	Chi bảo đảm xã hội	6.870,01	1.334,19	19%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Cải cách tiền lương)	1,40			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.800,00	1.334,19	20%	79%
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Cải cách tiền lương)	68,61			
4	Chi Chương trình mục tiêu	5.923,80	180,48	3%	
4.1	Chi Chương trình mục tiêu	5.323,80	180,48		
	Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2019 (Mã CTMT: 0669)	15,00		0%	0%
	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019	420,00	0,87	0,00	-
	+Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã CTMT: 0025)	160,00		0%	0%

	+Dự án 5: Nâng cao năng lực, đánh giá chương trình (Mã CTMT: 0026)	260,00	0,87	0%	
	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (Mã CTMT: 0719)	4.035,00	51,21	1%	18%
	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động (Mã CTMT: 0709)	853,80	128,40	15%	239%
4.2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	600,00			
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT: 0394)	600,00			

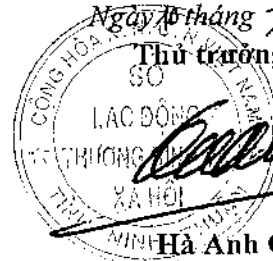
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Khai

Ngày 15 tháng 7 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Hà Anh Quang